

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 200/2024/DS-PT
Ngày: 17-4-2024
V/v “Tranh chấp đòi tài sản,
hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Ông Lê Hùng Cường

Bà Huỳnh Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp đòi tài sản, hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 94/2023/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 417, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Văn B - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HBLAW, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm Quốc T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phùng Ngọc L2, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 697, đường H, Phường X, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trần Minh Th, sinh năm 2012;

3. Trần Minh H, sinh năm 2015;

Người đại diện theo pháp luật của Trần Minh Th và Trần Minh H: Bà Phùng Ngọc L2, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Số 697, đường H, Phường X, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc C;

Địa chỉ: Số 519/5 - 519/7, đường K, Khu phố Y, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Tố H - Trưởng Văn phòng.

5. Ông Võ Trung Q, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 39B, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An;

6. Bà Phạm Thị Bích Ch, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 405, Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị M – Nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ.

(Bà M, ông Bình, ông T và bà Ch có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-6-2023, đơn yêu cầu giải quyết hậu quả nếu hợp đồng bị vô hiệu đề ngày 09-8-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Năm 2021 bà có thỏa thuận mua tài sản thuộc sở hữu của bà Phùng Ngọc L2 là 01 xe ô tô khách biển số 51B-250.92; nhãn hiệu: THACO; Số loại: TB82S; Loại xe: Ô tô khách; Màu sơn: Vàng; Số chỗ ngồi: 29; Số máy: 02017H001077; Số khung: 9SGCHC010554 (sau đây gọi tắt là xe ô tô khách biển số 51B-250.92). Ngày 09-12-2021, bà Phùng Ngọc L2, đồng thời bà là đại diện theo pháp luật của các con là Trần Minh H và Trần Minh Th đã ký kết Hợp đồng mua bán xe biển số: 51B-250.92 với bà Nguyễn Thị M, Hợp đồng số công chứng 006221, quyển số 12/2021.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng (VPCC) Nguyễn Quốc C. Ngày 10-12-2021, bà M giao xe ô tô khách vừa mua cho ông Nguyễn Phạm Quốc T quản lý để kinh doanh chở khách du lịch, bà M và ông T thỏa thuận mỗi tour trừ chi phí số tiền còn lại chia đôi bà M $\frac{1}{2}$, ông T $\frac{1}{2}$. Thời gian đầu việc kinh doanh thuận lợi đến cuối năm 2022 thì giữa bà M và ông T phát sinh mâu thuẫn và xảy ra tranh cãi, ông T không chia tiền lời từ việc kinh doanh xe ô tô khách cho bà M nữa. Vì vậy, bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phạm Quốc T trả lại tài sản thuộc sở hữu của bà là xe ô tô khách biển số 51B-250.92.

Trước đây, bà M đã khởi kiện “Tranh chấp đòi tài sản” đối với ông T, yêu cầu ông T trả lại tài sản là xe ô tô khách biển số 51B-250.92 nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T đồng ý trả cho bà M số tiền 700.000.000đ theo Văn bản thỏa thuận ngày 26-5-2023 nên bà M đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, ông T không thực hiện theo thỏa thuận tại văn bản ngày 26-5-2023 nên bà M tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông T trả lại tài sản là xe ô tô khách biển số 51B-250.92 và không yêu cầu ông T thực hiện theo văn bản thỏa thuận ngày 26-5-2023.

Trường hợp Tòa án vô hiệu Hợp đồng mua bán xe biển số: 51B-250.92, số công chứng 006221, quyền số 12/2021.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09-12-2021 tại VPCC Nguyễn Quốc C bị vô hiệu thì bà yêu cầu bà Phùng Ngọc L2 phải bồi thường cho bà số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Ngày 10-11-2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị M nộp Đơn khởi kiện (bổ sung) đề ngày 09-11-2023 yêu cầu ông Nguyễn Phạm Quốc T trả cho bà ½ lợi nhuận từ tháng 01/2023 đến tháng 11/2023 với số tiền 91.300.000 đồng (8.300.000đ/tháng x 11 tháng).

Bị đơn ông Nguyễn Phạm Quốc T trình bày:

Năm 2021, ông tìm thấy thông tin bà Phùng Ngọc L2 rao bán xe ô tô khách nêu trên qua mạng internet nên ông đã trực tiếp liên lạc với bà L2 để giao dịch giá cả mua bán, bà L2 đồng ý bán xe ô tô khách cho ông với giá 700.000.000đ. Ngày 19-11-2021, ông và bà L2 hẹn gặp tại VPCC Nguyễn Quốc C, ông đã giao cho bà L2 số tiền 600.000.000đ. Bà L2 yêu cầu ông làm thủ tục công chứng hợp đồng để sang tên, sau này xe có vấn đề gì bà L2 không còn trách nhiệm nữa. Tuy nhiên, VPCC cho biết bà L2 phải hoàn tất thủ tục thừa kế của chồng bà L2 sau đó mới có thể công chứng hợp đồng mua bán xe. Vì vậy, bà L2 hẹn lại sau khi xong thủ tục thừa kế thì sẽ công chứng hợp đồng, sau đó ông đến bãi xe Quận 8 để nhận xe ngay trong ngày 19-11-2021. Ngày 09-12-2021, bà L2 hẹn ông đến VPCC Nguyễn Quốc C ký hợp đồng mua bán xe, tại VPCC ông đã giao cho bà L2 số tiền 100.000.000đ còn lại. Số tiền mua xe có nguồn gốc do vợ chồng ông vay của ông Nguyễn Thanh L1 vào khoảng ngày 15 hoặc 16-11-2021. Vì khi mua xe ông thế chấp giấy tờ nhà cho ông L1 để vay tiền mua xe, phải giấu giếm gia đình nên ông nhờ bà Nguyễn Thị M đứng tên ký kết Hợp đồng mua bán xe với bà L2 dùm. Chính vì tiền mua xe do ông T bỏ ra nên bà M mới để xe cho ông T kinh doanh. Ông và bà M có thỏa thuận khi nào ông nói thật với gia đình biết việc vay tiền thì bà M làm Hợp đồng ủy quyền cho ông toàn quyền quyết định đối với tài sản là xe ô tô khách biển số 51B-250.92. Sau khi gia đình ông T biết thì ông đã nhiều lần yêu cầu bà M làm Hợp đồng ủy quyền như đã thỏa thuận nhưng bà M hẹn lần này đến lần khác không thực hiện. Lý do ông ký kết Văn bản thỏa thuận ngày 26-5-2023 với bà Võ Thị Quận nhằm kéo dài thời gian chờ bà L2 đi du lịch nước ngoài về sẽ liên hệ gặp bà L2 để làm chứng ông là người mua xe. Vì xe là do ông bỏ tiền mua nên ông không đồng ý trả cho bà M số tiền 700.000.000đ theo thỏa thuận ngày 26-5-2023 và cũng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M buộc ông phải giao trả tài sản là xe ô tô khách biển số 51B-250.92 nêu trên.

Ngày 13-7-2023, bị đơn ông Nguyễn Phạm Quốc T nộp đơn khởi kiện (phản tố) yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng mua bán xe biển số: 51B-250.92, số công chứng 006221, quyền số 12/2021.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09-12-2021 tại VPCC Nguyễn Quốc C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Phùng Ngọc L2, đồng thời là người đại diện hợp pháp của Trần Minh Th và Trần Minh H trình bày tại Văn bản ngày 12-6-2023 như sau:

Bà L2 xác định giữa bà và ông Nguyễn Phạm Quốc T có thỏa thuận mua bán tài sản là xe ô tô khách biển số 51B-250.92 là người trực tiếp liên hệ với bà để xem xe và thỏa thuận việc mua bán, ông T là người trực tiếp giao cho bà L2 số tiền 700.000.000đ vào các ngày 19-11-2021 giao 600.000.000đ và 09-12-2021 giao 100.000.000đ. Đồng thời, ông T cũng là người trực tiếp nhận xe ô tô khách nêu trên. Ngày 09-12-2021, bà L2 và ông T hẹn nhau đến VPCC Nguyễn Quốc C để công chứng hợp đồng mua bán xe ô tô khách. Tại VPCC, ông T nói với bà L2 do ông T mua xe giấu gia đình nên nhờ bà Nguyễn Thị M đứng tên ký hợp đồng mua bán xe với bà L2 nên bà L2 mới xác lập hợp đồng mua bán xe với bà Nguyễn Thị M. Ngoài ra, bà L2 vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án và không có ý kiến trình bày gì khác.

- Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc C do người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị Tố Hảo – Trưởng Văn phòng trình bày tại các Văn bản số 80/2023/VBTA và số 81/2023/VBTA cùng ngày 27-7-2023 như sau:

Căn cứ qui định của pháp luật về công chứng, theo yêu cầu của khách hàng – người yêu cầu công chứng; hồ sơ và chứng từ do các bên cung cấp, Công chứng viên sẽ tiến hành xem xét hồ sơ, soạn thảo và ký văn bản công chứng. Ngoài ra, để đảm bảo an toàn pháp lý cho văn bản, hồ sơ công chứng, đặc biệt là với bất động sản, động sản có giá trị cao, công chứng viên còn phải tra cứu thông tin ngăn chặn trên website thông tin công chứng theo qui định. Hợp đồng mua bán xe cũng như các văn bản công chứng khác tại VPCC đều được công chứng theo trình tự luật định. Các bên ký vào văn bản công chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và trực tiếp ký (hoặc điểm chỉ) vào văn bản, hợp đồng,... theo qui định của pháp luật. VPCC xác định tại thời điểm công chứng Hợp đồng mua bán xe ô tô khách biển số 51B-250.92, công chứng viên tại VPCC đã thực hiện đúng qui định của pháp luật, đề nghị Tòa án tiếp tục xem xét giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật. Đồng thời, VPCC đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi họp, hòa giải, xét xử liên quan đến vụ án.

- Bà Phạm Thị Bích Ch trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Phạm Quốc T, khi ông T quyết định mua xe ô tô khách của bà Phùng Ngọc L2 rao bán thì có bàn bạc với bà. Vợ chồng bà thống nhất giấu không cho cha chồng của bà biết việc mua xe vì cha chồng bà biết được sẽ ngăn cản không cho mua. Vì vậy, vào khoảng ngày 15 hoặc 16-11-2021, bà và ông T đã đến gặp ông Nguyễn Thanh L1 thỏa thuận vay số tiền 700.000.000đ để mua xe. Khi vay tiền có lập giấy viết tay và vợ chồng bà có cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 để làm tin. Sau đó khoảng 01 năm, bà và ông T

vẫn chưa trả số tiền nợ vay nên ông L1 có yêu cầu bà và ông T đến VPCC Nguyễn Long An để công chứng Hợp đồng vay tài sản ngày 01-11-2022. Bà Ch xác định tiền mua xe ô tô khách biển số 51B-250.92 là của vợ chồng bà bỏ ra, có nguồn gốc do vay mượn của ông Nguyễn Thanh L1. Vì vậy, bà đồng ý với lời trình bày của ông Nguyễn Phạm Quốc T, không đồng ý với yêu cầu và lời trình bày của bà Nguyễn Thị M; ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

- Theo đơn khởi kiện (yêu cầu độc lập) ngày 07-9-2023, ông Võ Trung Q trình bày:

Ngày 05-4-2023 ông Q có thỏa thuận với bà M mua xe ô tô khách biển số 51B-250.92 với giá 750.000.000 đồng. Việc mua bán xe ô tô khách nêu trên có lập thành văn bản là “Giấy bán xe” viết tay đề ngày 05-4-2023, ông Q đã giao đủ số tiền 750.000.000đ cho bà M, bà M hẹn trong vòng 02 tháng (tức là đến ngày 05-7-2023 sẽ giao xe cho ông Q. Tuy nhiên, đến nay bà M vẫn chưa giao xe cho ông nên ông Võ Trung Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải giao cho ông Q tài sản là xe ô tô khách biển số 51B-250.92.

Ngày 28-9-2023, ông Võ Trung Q có đơn xin rút đơn khởi kiện về yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải giao cho ông Q tài sản là xe ô tô khách biển số 51B-250.92.

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Trung Q có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày xin rút lại Đơn khởi kiện (bổ sung) ngày 09-11-2023 về yêu cầu ông Nguyễn Phạm Quốc T trả cho bà M $\frac{1}{2}$ lợi nhuận từ tháng 01/2023 đến tháng 11/2023 với số tiền 8.300.000đ/tháng x 11 tháng = 91.300.000đ (Chín mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày như trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn ông Nguyễn Phạm Quốc T vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và lời trình bày như trong quá trình giải quyết vụ án, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bích Ch cũng giữ nguyên lời trình bày như trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 94/2023/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 165, Điều 177, Điều 179, Điều 217, Điều 218, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 116, Điều 124, Điều 407; Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 436, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26, của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về “Tranh chấp đòi tài sản” đối với ông Nguyễn Phạm Quốc T.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phạm Quốc T về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bà Nguyễn Thị M.

Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng mua bán xe biển số 51B-250.92 số công chứng 006221, quyển số 12/2021.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09-12-2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc C giữa bà Phùng Ngọc L2 (đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Trần Minh Th và Trần Minh H) với bà Nguyễn Thị M.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về giải quyết hậu quả khi vô hiệu hợp đồng yêu cầu bà Phùng Ngọc L2 có nghĩa vụ bồi thường số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Võ Trung Q về yêu cầu bà Nguyễn Thị M giao tài sản là xe ô tô khách biển số 51B-250.92 theo “Giấy bán xe” ngày 05-4-2023.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04-12-2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 13-12-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 420/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm số 94/2023/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc ông T giao trả cho bà M xe ô tô khách biển số 51B-250.92, bản chính giấy đăng ký xe, bảo hiểm xe và đăng kiểm xe; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe giữa bà L2 và bà M lập ngày 09-12-2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Hợp đồng mua giữa bà L2 với bà M ngày 09-12-2021 là đúng pháp luật. Ông T cho rằng ông là người mua xe và nhờ bà M đứng tên dùm nhưng không cung cấp được văn bản nào có giá trị pháp lý để chứng minh ông là người mua xe. Lời trình bày của ông T về giá mua xe cũng không nhất quán, khi tại Biên bản hòa giải ngày 17-5-2023 ông T trình bày mua xe với giá 450.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án này thì ông T khai mua xe với giá 700.000.000 đồng, người làm chứng của ông T thì khai giá xe 750.000.000 đồng, ông T trình bày ông mua xe từ nguồn tiền vay của ông Nguyễn Thanh L1 nhưng cung cấp Hợp đồng vay tài sản công chứng ngày 01-11-2022 là sau thời điểm công chứng Hợp đồng mua bán xe. Nội dung Văn bản thỏa thuận ngày 26-5-2023 chứng tỏ ông T cũng thừa nhận xe ô tô này là tài sản của bà M nên ông T mới mua lại, về thời hạn giao tiền là do đánh máy có sai sót. Hợp đồng mua bán xe ghi giá 300.000.000 đồng là nhằm giảm thuế. Tờ khai của bà L2 là do ông T nộp, bà L2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên lời trình bày của bà L2 không thể làm rõ được là có đúng sự thật không. Bà M có cung cấp Vi bằng số 1005/2023/VB-TPL ngày 11-12-2023 của Văn phòng Thừa phát lại B về việc bà M đang sử dụng phần mềm quản lý hành trình xe ô tô khách biển số 51B-

250.92 trên điện thoại cá nhân của bà M. Phần mềm này do ông T đăng ký bằng số điện thoại của ông T và ông T cung cấp cho bà M cùng sử dụng để quản lý xe nhưng hiện nay ông T đã xóa định vị đối với xe ô tô khách biển số 51B-250.92. Qua những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, buộc ông Nguyễn Phạm Quốc T phải giao trả cho bà M tài sản là xe ô tô khách biển số 51B-250.92, cùng với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và các giấy tờ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, bị đơn không rút yêu cầu phản tố, Viện kiểm sát không rút kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà M và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng mua bán xe ô tô khách biển số 51B-250.92 vào ngày 09-12-2021 giữa bà Phùng Ngọc L2 và bà Nguyễn Thị M được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc C đúng với quy định của pháp luật. Ông T cho rằng ông là người bỏ tiền mua xe của bà L2 nhưng nhờ bà M đứng tên ký kết Hợp đồng mua bán xe với bà L2 giúp ông T do ông T thế chấp giấy tờ nhà để vay tiền mua xe nên giấu gia đình. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của mình. Bà M khởi kiện ông T và được Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ thụ lý ngày 17-5-2023, ngày 26-5-2023 bà Võ Thị Quận đại diện bà M rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án với lý do hai bên thống nhất lập văn bản thỏa thuận. Tại Văn bản thỏa thuận ngày 26-5-2023 giữa ông T và người đại diện theo ủy quyền của bà M là bà Quận thể hiện ông T đồng ý trả cho bà M số tiền 700.000.000 đồng, bà M có trách nhiệm ký giấy ủy quyền cho ông T và giao những giấy tờ liên quan đến xe ô tô biển số 51B-250.92. Ông T cho rằng lý do ông ký Văn bản thỏa thuận ngày 26-5-2023 với mục đích nhằm kéo dài thời gian chờ bà L2 đi du lịch về, ông T sẽ liên hệ gặp bà L2 để làm chứng ông T mới chính là người mua xe. Lời trình bày trên của ông T là không có cơ sở, bởi lẽ trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, ông T có thể yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng để lấy lời khai, hoặc cung cấp lời khai người làm chứng cho Tòa án nhưng ông T lại ký văn bản thỏa thuận với bà người đại diện theo ủy quyền của bà M là đồng ý trả cho bà M số tiền 700.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để xác định ông T thừa nhận bà M là chủ sở hữu của xe ô tô khách biển số 51B-250.92. Bản án sơ thẩm nhận định do các đương sự trình bày không thống nhất về giá mua bán xe (tại biên bản hòa giải ngày 17-5-2023, ông T trình bày mua xe giá 450.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 29-6-2023, Biên bản đối chất ngày 29-6-2023 và tại phiên tòa sơ thẩm thì ông T trình bày mua xe giá 700.000.000 đồng. Bà L2 cho rằng bán xe giá 700.000.000 đồng, trong khi đó bà M và người làm chứng ông L xác định

mua xe giá 750.000.000 đồng) và giá mua bán tại Điều 1 của Hợp đồng mua bán xe biển số 51B-250.92 là 300.000.000 đồng. Theo chứng thư thẩm định giá số 1029.2023.VT.HS ngày 07-9-2023 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Việt Tín xác định giá trị xe ô tô khách biển số 51B-250.92 tại thời điểm tháng 9 năm 2023 là 1.224.000.000 đồng, nên hợp đồng mua bán xe giữa bà L2 và bà M là giả tạo là chưa phù hợp. Đồng thời, các đương sự và những người làm chứng cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc giao nhận tiền giữa các bên nên không thể căn cứ vào lời trình bày của bà L2 và người làm chứng ông L để đánh giá hợp đồng mua bán xe giữa bà L2 và bà M là giả tạo. Ông T cho rằng vợ chồng ông vay tiền của ông L1 để mua xe, nhưng ngày mua xe là ngày 09-12-2021 và hợp đồng vay tiền là ngày 01-11-2022.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu ông Nguyễn Phạm Quốc T giao trả xe ô tô khách BS 51B-250.92, buộc ông T giao trả cho bà M xe ô tô khách biển số 51B-250.92 cùng bản chính giấy đăng ký xe, bảo hiểm xe và đăng kiểm xe; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phạm Quốc T về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe giữa bà Phùng Ngọc L2 với bà Nguyễn Thị M lập ngày 09-12-2021. Do đó, kháng cáo và kháng nghị là có căn cứ.

Ngoài ra về án phí: Bản án sơ thẩm tuyên “Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phạm Quốc T về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bà Nguyễn Thị M. Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng mua bán xe biển số 51B-250.92 số công chứng 006221, quyển số 12/2021.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09-12-2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc C giữa bà Phùng Ngọc L2 (đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Trần Minh Th và Trần Minh H) với bà Nguyễn Thị M” thì căn cứ Khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định người chịu án phí 300.000 đồng phải là bà Nguyễn Thị M nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không tuyên phần án phí này.

Về người tham gia tố tụng: bản án sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng mua bán xe giữa bà L2 và bà M. Bà M trình bày nguồn tiền để mua xe là do vợ chồng bà M dành dụm nhưng bản án sơ thẩm chưa thu thập ý kiến của chồng bà M là thiếu sót.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người có liên quan (chồng bà M), cần thu thập lấy ý kiến của chồng bà M về nội dung bà M khởi kiện, có đề nghị đưa vào tham gia tố tụng hay không. Nếu chồng bà M yêu cầu đưa ông vào tham gia tố tụng thì hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và **kháng nghị** của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ đúng theo quy định tại các điều 272,

273, 276, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Ngọc L2, Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc C và ông Võ Trung Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Bà M trình bày nguồn tiền để mua xe là của vợ chồng bà. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10-4-2024, ông Võ Hoàng Phong (trước đây là chồng của bà M) trình bày: số tiền 750.000.000 đồng là tiền chung của vợ chồng, ông đồng ý để cho bà M toàn quyền sử dụng số tiền trên, không liên quan đến ông. Ông yêu cầu không đưa ông vào tham gia tố tụng nên Tòa án không đưa ông Phong vào tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Tại “Hợp đồng mua bán xe biển số: 51B-250.92” ngày 09-12-2021, bà Phùng Ngọc L2 bán đứt cho bà Nguyễn Thị M chiếc xe ô tô khách biển số 51B-250.92, giá mua bán là 300.000.000 đồng. Hợp đồng được chứng nhận số 006221, quyền số 12/2021.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc C.

[5] Xét thấy, các đương sự đều khai giá xe không phải là 300.000.000 đồng nhưng ghi trong hợp đồng là 300.000.000 đồng nhằm để giảm thuế. Như vậy, hợp đồng này có giả tạo về giá nhằm che giấu giá cao hơn. Nhưng về hình thức được thực hiện đúng theo quy định và các nội dung còn lại như chủ thể, mục đích các bên hướng đến việc giao dịch là thật, đối tượng mua bán là thật, bản chất của hợp đồng là thật, bên bán đã nhận tiền, bên mua đã nhận xe, giữa người bán là bà L2 và người mua là bà M không có tranh chấp và đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Ngày 17-5-2023, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ thụ lý vụ án dân sự số 138/2023/TLST-DS về việc bà M (do bà Võ Thị Quận đại diện theo ủy quyền) khởi kiện yêu cầu ông T trả lại xe ô tô khách biển số 51B-250.92.

[7] Tại Văn bản thỏa thuận ngày 26-5-2023, có nội dung thỏa thuận giữa ông T và bà M (do bà Võ Thị Quận đại diện theo ủy quyền) như sau: ông T đồng ý trả cho bà M số tiền 700.000.000 đồng. Đồng thời bà M có trách nhiệm ký giấy ủy quyền cho ông T và giao những giấy tờ liên quan đến xe biển số 51B-250.92. Thời hạn giao tiền 10 ngày kể từ ngày 26-5-2023 đến ngày 06-5-2023, lý do thỏa thuận: “xe này do bà M nhận ủy quyền từ bà Phùng Ngọc L2”. Cùng ngày 26-5-2023, bà M rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 18/2023/QĐST-DS ngày 26-5-2023. Nhưng do ông T không thực hiện theo thỏa thuận trên nên bà M khởi kiện lại.

[8] Xét thấy, với nội dung thỏa thuận trên có cơ sở xác định ông T thừa nhận mình không phải là người mua xe biển số 51B-250.92 mà do bà M mua từ bà L2 nên mới đồng ý trả cho bà M số tiền 700.000.000 đồng để mua lại xe của bà M. Còn lý do ghi trong biên bản thỏa thuận “xe này do bà M nhận ủy quyền từ bà Phùng Ngọc L2” là vì bà L2 vẫn còn đứng tên trên giấy đăng ký xe, bà M chưa

làm thủ tục sang tên. Bà M trình bày thời hạn giao tiền 10 ngày kể từ ngày 26-5-2023 đến ngày 06-6-2023 nhưng do sơ suất khi đánh máy nhầm ngày 06-5-2023 là phù hợp với thực tế.

[9] Ông T cho rằng ông là người mua xe và nhờ bà M đứng tên giùm nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong khi chiếc xe là tài sản có giá trị lớn. Ông T khai ông là người mua xe nhưng số tiền mua xe ông khai không thống nhất, cụ thể: tại Biên bản hòa giải ngày 17-5-2023 ông T trình bày mua xe với giá 450.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30-11-2023 ông T khai mua xe với giá 700.000.000 đồng. Ông T trình bày ông mua xe từ nguồn tiền vay của ông Nguyễn Thanh L1 nhưng lại cung cấp Hợp đồng vay tài sản công chứng ngày 01-11-2022 là sau thời điểm công chứng Hợp đồng mua bán xe biển số 51B-250.92 ngày 09-12-2021 là không phù hợp với thực tế.

[10] Ông T thừa nhận đã có 06 xe ô tô và làm nghề dịch vụ xe chở khách để kinh doanh phát triển kinh tế gia đình là chính đáng nhưng ông cho rằng việc mua xe phải giấu giếm gia đình nên nhờ bà M đứng tên giùm là không hợp lý. Lời khai của những người làm chứng do ông T cung cấp gồm bà Phùng Ngọc L2 là chủ xe cũ và ông Phạm Thanh L có sự mâu thuẫn về giá mua bán xe ô tô khách biển số 51B-250.92, bà L2 khai giá bán xe là 700.000.000 đồng, trong khi ông L khai giá mua xe là 750.000.000 đồng. Bà L2 trình bày tại tờ trình ngày 12-6-2023 là ông T đã giao cho bà L2 số tiền trên vào hai đợt, đợt 1 là vào ngày 19-11-2021 giao 600.000.000 đồng, đợt 2 là vào ngày 09-12-2021 giao số tiền 100.000.000 đồng. Xét thấy, tờ trình và đơn xin giải quyết vắng mặt của bà L2 do ông T và bà Ch nộp cho Tòa án nên không tiến hành đối chất được, do lời khai của bà L2 và ông L có mâu thuẫn nên không đáng tin cậy.

[11] Tuy bà M không có chứng cứ giao số tiền 750.000.000 đồng cho bà L2 nhưng căn cứ vào các chứng cứ nêu trên và ông T cũng thừa nhận bà M đang giữ bản chính “Hợp đồng mua bán xe biển số: 51B-250.92” nên xét thấy lời trình bày của bà M: trước khi ký hợp đồng mua xe với bà L2, bà M có giao cho ông T 20.000.000 đồng để đặt cọc mua xe và sau khi ký hợp đồng mua bán xe với bà L2, bà M giữ bản chính hợp đồng và trực tiếp giao cho bà L2 số tiền 730.000.000 đồng còn lại là phù hợp.

[12] Tóm lại, từ các chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định người mua xe ô tô biển số 51B-250.92 là bà Nguyễn Thị M vì bà M có ký kết “Hợp đồng mua bán xe biển số: 51B-250.92” ngày 09-12-2021 với bà Phùng Ngọc L2 và bà M đang giữ bản chính hợp đồng này; tại Văn bản thỏa thuận ngày 26-5-2023 thỏa thuận giữa ông T và bà M là ông T đồng ý trả cho bà M số tiền 700.000.000 đồng để mua lại xe. Ông T cho rằng xe này do ông mua và nhờ bà M đứng tên giùm nhưng không có chứng cứ chứng minh. Hợp đồng mua bán xe được ký kết giữa bà L2 và bà M nhưng ông T yêu cầu hủy hợp đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[13] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là chưa đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bà M và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc ông T giao trả cho bà M xe ô tô khách BS 51B-250.92, bản chính giấy đăng ký

xe, bảo hiểm xe và đăng kiểm xe; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe giữa bà L2 và bà M lập ngày 09-12-2021.

[14] Bà M có yêu cầu trường hợp Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng mua bán xe biển số: 51B-250.92 ngày 09-12-2021 thì bà yêu cầu bà Phùng Ngọc L2 phải bồi thường cho bà số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng xét thấy hợp đồng này không bị vô hiệu nên bà M không có yêu cầu nên không xem xét và bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu này, cần sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án tại phần quyết định của bản án.

[15] Ông T trình bày, ông có trang bị cho xe dàn máy hát, tủ lạnh... nếu chấp nhận yêu cầu của bà M thì ông yêu cầu bà M hoàn lại chi phí khoảng 100.000.00 đồng nhưng không được bà M thừa nhận và ông T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh nên không chấp nhận.

[16] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T phải chịu chi phí thẩm định giá là 14.000.000 đồng. Bà M đã nộp tạm ứng nên ông T phải hoàn lại cho bà M 14.000.000 đồng.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà M được Tòa án chấp nhận nên ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu phản tố của ông T không được Tòa án chấp nhận nên ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng ông T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[18] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[19] Phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà M và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ là có căn cứ.

[20] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 94/2023/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 116, Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về “Tranh chấp đòi tài sản” đối với ông Nguyễn Phạm Quốc T.

Buộc ông Nguyễn Phạm Quốc T giao trả cho bà Nguyễn Thị M xe ô tô khách biển số 51B-250.92, bản chính Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 312535 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phùng Ngọc L2 ngày 19-10-2017, bảo hiểm xe và đăng kiểm xe. Bà Nguyễn Thị M được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký sở hữu xe ô tô biển số 51B-250.92 theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phạm Quốc T “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” với bà Nguyễn Thị M đối với yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng mua bán xe biển số 51B-250.92, số công chứng 006221, quyền số 12/2021.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09-12-2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc C giữa bà Phùng Ngọc L2 (đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Trần Minh Th và Trần Minh H) với bà Nguyễn Thị M.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Võ Trung Q về yêu cầu bà Nguyễn Thị M giao tài sản là xe ô tô khách biển số 51B-250.92 theo “Giấy bán xe” ngày 05-4-2023.

Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Phạm Quốc T phải chịu chi phí thẩm định giá là 14.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M đã nộp tạm ứng nên ông T phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M 14.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phạm Quốc T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004902 ngày 13-7-2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An để thi hành án phí. Ông T còn phải chịu 300.000 đồng phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 300.000 đồng và 21.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003379 ngày 08-6-2023 và số 0004976 ngày 15-8-2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho ông Võ Trung Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005006 ngày 11-9-2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009253 ngày 14-12-2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

